TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2022
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Liên
Ông Hoàng Ngọc Hải

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:**
Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị L, sinh năm 1988. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn 2 Ng, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Xuân Qu, sinh năm 1979. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 2 Ng, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/01/2022, bản tự khai, lời khai tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn chị Lê Thị L thể hiện như sau:

Tôi kết hôn với anh Qu vào năm 2009, trên cơ sở tự nguyện cưới có đăng ký kết hôn do UBND xã Tr cấp. Sau khi cưới xong tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian cho đến đầu năm 2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Qu thường xuyên uống rượu say về chửi bới, đánh đập vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bản thân tôi không thể chịu đựng được nữa nên tôi phải đưa các con về

bên ngoại ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Xuân Qu.

Về con: Vợ chồng tôi có 03 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 26/11/2007; Lê Xuân T, sinh ngày 27/6/2015 và Lê Xuân M, sinh ngày 15/10/2016, nguyện vọng của tôi xin được nuôi 2 cháu còn anh Qu nuôi 1 cháu, cháu nào ở với tôi cũng được và tôi không yêu cầu anh Qu phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng tôi. Nếu anh Qu muốn nuôi cháu A và cháu M, tôi đồng ý. Tôi sẽ nuôi cháu T.

Về tài sản và công nợ: Tài sản và công nợ vợ chồng tôi không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 17/01/2022 và lời khai tại phiên hòa giải của bị đơn anh Lê Xuân Qu thể hiện:

Tôi và chị Lê Thị L kết hôn vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện cưới có đăng ký kết hôn do UBND xã Tr cấp. Sau khi cưới xong tình cảm vợ chồng sống bình thường cho đến thời gian gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tôi uống chén rượu về vợ chồng to tiếng, chị L tự bỏ về nhà ngoại ở từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị L làm đơn ly hôn, tôi không bỏ vợ bỏ con, tôi mong muốn được đoàn tụ để nuôi con, nếu chị L vẫn yêu cầu ly hôn thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con: Chúng tôi có 03 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 26/11/2007; Lê Xuân T, sinh ngày 27/6/2015 và Lê Xuân M, sinh ngày 15/10/2016, nếu phải ly hôn tôi xin được nuôi 2 cháu là Lê Thị A và Lê Xuân M. Còn cháu Lê Xuân T ở với chị L, không ai phải cấp dưỡng cho ai.

Về tài sản và công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết về phần tài sản và công nợ.

Tại bản tự khai của cháu Lê Thị A thể hiện:

Việc mẹ cháu làm đơn ly hôn bố cháu là do bố cháu hay uống rượu say rồi đánh chửi mẹ cháu. Bố mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn ở với mẹ và em M đang còn nhỏ. Cháu đề nghị cháu và em M ở với mẹ.

Theo biên bản xác minh ngày 24/01/2022 với Ủy ban nhân dân xã Tr: Anh Lê Xuân Qu và chị Lê Thị L tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Tr cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76 quyển số 01/2009 ngày 30/12/2009. Anh Qu và chị L có 03 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 26/11/2007, Lê Xuân T, sinh ngày 27/6/2015 và Lê Xuân M, sinh ngày 15/10/2016. Nay chị L xin ly hôn anh Qu, địa phương cũng không rõ nguyên nhân, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân xảy ra tranh chấp giữa anh Lê Xuân Qu và chị Lê Thị L, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Anh Lê Xuân Qu và chị Lê Thị L tự nguyện kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên đề nghị được ly hôn. Anh Qu đã cố gắng hàn gắn nhưng chị L cương quyết xin ly hôn. Như vậy tình cảm của chị L thực sự không còn, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L, xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Lê Xuân Qu. Về con: Đề nghị công nhận chị L và anh Qu có 03 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 26/11/2007; Lê Xuân T, sinh ngày 27/6/2015 và Lê Xuân M, sinh ngày 15/10/2016, hiện các cháu đang ở với chị L. Tại biên bản hòa giải ngày 24/01/2022, chị L và anh Qu thống nhất thỏa thuận anh Qu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Văn A và Lê Xuân M, chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Xuân T. Tuy nhiên cháu A là con gái đang trong giai đoạn phát triển T sinh lý cần có sự quan T, chăm sóc của người mẹ, cháu A có nguyện vọng xin được ở với mẹ; cháu Lê Xuân M nhỏ tuổi nhất. Vì vậy đề nghị giao cho chị L trực tiếp nuôi cháu Lê Thị A và cháu Lê Xuân M; Giao anh Qu trực tiếp nuôi cháu Lê Xuân T; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị L chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Lê Thị L không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết

Anh Lê Xuân Qu và chị Lê Thị L tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện H, Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/12/2009 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Nay chị Lê Thị L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Lê Xuân Qu, là quan hệ "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", bị đơn có nơi cư trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Sau khi kết hôn hợp pháp, chị Lê Thị L và anh Lê Xuân Qu sống hòa thuận với nhau cho đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Qu thường xuyên uống rượu say xỉn về chửi bới, đánh đập vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Chị L thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không muốn kéo dài cuộc sống vợ chồng. Anh Qu cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn là do anh rượu chè về to tiếng với vợ. Dù anh Qu mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng. Nhận thấy hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm của cả vợ và chồng, chị L vẫn cương quyết ly hôn, tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị L là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Chị Lê Thị L và anh Lê Xuân Qu có 03 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 26/11/2007; Lê Xuân T, sinh ngày 27/6/2015 và Lê Xuân M, sinh ngày 15/10/2016, hiện nay các cháu đang ở với chị L. Do cháu M là nhỏ nhất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ; cháu A là con gái đang trong độ tuổi dậy thì cần sự chăm sóc của mẹ và cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ nên giao cháu A và cháu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh Qu trực tiếp nuôi cháu Lê Xuân T là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh Qu không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tố tụng: Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa anh Lê Xuân Qu và chị Lê Thị L theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 15/3/2022, anh Lê Xuân Qu vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp L nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Xuân Qu vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn là chị Lê Thị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Lê Xuân Qu.

Về con: Công nhận cháu là Lê Thị A, sinh ngày 26/11/2007, Lê Xuân T, sinh ngày 27/6/2015 và Lê Xuân M, sinh ngày 15/10/2016 là con chung của chị Lê Thị L và anh Lê Xuân Qu. Giao cháu Lê Thị A và cháu Lê Xuân M cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Xuân T cho anh Lê Xuân Qu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên có Qu, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị L chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu số AA/0011107 ngày 05/01/2022 (Chị L đã thi hành xong).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Qu thỏa thuận thi hành án, Qu yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về Qu kháng cáo: Chị Lê Thị L được Qu kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê Xuân Qu được Qu kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã Tr;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú